

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH HỒ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP VÀ HƯỚNG NGHIỆP
LÊ THỊ HỒNG GẮM

**CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO
DỤC NĂM HỌC 2023-2024**

(Ban hành kèm theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

TT	Nội dung	Năm 2022-2023												Năm 2023-2024																
		Tổng số	Thỉnh giảng	Trình độ đào tạo					Chuẩn GV			Bồi dưỡng hàng năm		TS	Thỉnh giảng	Trình độ đào tạo					Chuẩn GV			Bồi dưỡng hàng năm						
				T	S	Đ	H	C	Đ	T	Dưới TC	Đạt	Chưa đạt			Tỷ lệ Đạt chuẩn (%)	Số lượng	Tỷ lệ	T	S	Đ	H	C	Đ	T	Dưới TC	Đạt	Chưa đạt	Tỷ lệ Đạt chuẩn (%)	Số lượng
Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên		64			17	33	1	4	9						67		19	34	2	3	10									
I	Cán bộ quản lý	3			3					3		100	3	100	3		3							3		100	3	100		
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1		1	1		1						1		1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					3		3		2	2		2						3		3		3			
II	Giáo viên (Trong đó số giáo viên dạy môn):	45	5		14	31				46		100	46	100	48	9	16	32					48		100	48	100			
1	Toán	6			4	2				6		6		7	2	4	3					7		7		7				
2	Ngữ văn	5			1	4				5		5		6	1	2	4					6		6		6				
3	Anh	5			2	3				5		5		5		2	3					5		5		5				

TT	Nội dung	Năm 2022-2023												Năm 2023-2024																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
		Tổng số	Thỉnh giảng	Trình độ đào tạo						Chuẩn GV		Bồi dưỡng hàng năm		TS	Thỉnh giảng	Trình độ đào tạo						Chuẩn GV		Bồi dưỡng hàng năm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
				T	S	Đ	H	C	Đ	TC	Đạt	Chưa đạt	Tỷ lệ Đạt chuẩn (%)			Số lượng	Tỷ lệ	T	S	Đ	H	C	Đ	TC	Dưới TC	Đạt	Chưa đạt	Tỷ lệ Đạt chuẩn (%)	Số lượng	Tỷ lệ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
	văn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								

TT	Nội dung	Năm 2022-2023										Năm 2023-2024																				
		Tổng số	Thỉnh giảng	Trình độ đào tạo					Chuẩn GV		Bồi dưỡng hàng năm		TS	Thỉnh giảng	Trình độ đào tạo					Chuẩn GV		Bồi dưỡng hàng năm										
				T	S	Đ	H	C	Đ	T	C	Dưới TC			Đạt	Chưa đạt	Tỷ lệ Đạt chuẩn (%)	Số lượng	Tỷ lệ	T	S	Đ	H	C	Đ	T	C	Dưới TC	Đạt	Chưa đạt	Tỷ lệ Đạt chuẩn (%)	Số lượng
4	Nhân viên y tế	1						1						1											1							
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	3						1	2					3											3							
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												0																		
7	Nhân viên CNTT	0												0																		
8	Nhân viên học vụ	2						1	1					2					1	1												
9	Nhân viên giám thị	2						1	1					2					1	1												
10	Nhân viên phục vụ	3							3					3											3							
11	Bảo vệ	2							2					2											2							

II. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Quy định/ Số lượng	Thực tế
I	Tổng diện tích đất (m ²)	11.400	3.946,5
II	Số điểm trường	1	1
III	Diện tích bình quân tối thiểu/học sinh (m ² /hs)	10	3,5
1	Khối phòng hành chính quản trị		
	Phòng Ban Giám hiệu (số phòng)	3	3
	Phòng Kế toán-Văn thư (số phòng)	1	1
	Phòng Thiết bị dạy học (số phòng)	1	1
	Phòng Học vụ (số phòng)	1	1
	Phòng Giám thị (số phòng)	1	1
	Phòng bảo vệ (số phòng)	1	1
	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên (số chậu tiêu, chậu xí)		
	<i>Khu NVS nam (23 người)</i>		
	<i>Số chậu tiêu/chậu xí</i>	2	2
	<i>Diện tích: m² (0,06m²/người x số người)</i>	1,38	15
	<i>Khu NVS nữ (37 người)</i>		
	<i>Số chậu tiêu/chậu xí</i>	3	4
	<i>Diện tích: m² (0,06m²/người x số người)</i>	2,22	16
	Khu nhà để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên (số lượng)	1	1
2	Khối phòng học tập		
a	Phòng học (phòng học): 0,6 phòng/lớp x số lớp thực tế	16	27

STT	Nội dung	Quy định/ Số lượng	Thực tế
	Diện tích phòng học (m ²)	45 m ²	54,7
	Diện tích bình quân/học sinh (m ² /hs)	1,5	1,3
b	Phòng học bộ môn Âm nhạc (m ²)	60	-
c	Phòng học bộ môn Mỹ thuật(m ²)	60	-
d	Phòng học bộ môn Công nghệ (m ²)	60	-
đ	Phòng học bộ môn Tin học (m ²)	60	62
e	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (m ²)	60	-
g	Phòng đa chức năng (m ²)	60	-
h	Phòng học bộ môn Vật lý (m ²)	60	60
i	Phòng học bộ môn Hoá học (m ²)	60	60
k	Phòng học bộ môn Sinh học (m ²)	60	60
3	Khối phòng hỗ trợ học tập		
a	Thư viện: 0,6 m ² /hs	684	48,47
b	Phòng thiết bị giáo dục: 48m ² /phòng	48	37,12
c	Phòng tư vấn học đường: 24m ² /phòng	24	24,12
d	Phòng truyền thống: 48m ² /phòng	48	37,13
đ	Phòng Đoàn Thanh niên: 0,03m ² /hs	34	20,9
4	Khối phụ trợ		
a	Phòng họp toàn thể CB, GV, NV nhà trường: 1,2m ² /người	72	287,76
b	Phòng các tổ chuyên môn: 30m ² /phòng	30	37,13
c	Phòng Y tế trường học: 24m ² /phòng	24	30,6
d	Nhà kho: 48m ² /phòng	48	40

STT	Nội dung	Quy định/ Số lượng	Thực tế
đ	Khu để xe học sinh: $0,9\text{m}^2/\text{xđ}$; $2,5\text{m}^2/\text{xm}$	1,528	454
e	Khu vệ sinh học sinh (nam, nữ): số lượng chậu tiểu, chậu xí/ diện tích		
	<i>Khu NVS hs nam (546 người)</i>		
	<i>Số chậu tiểu/chậu xí</i>	18	26
	<i>Diện tích: m^2 ($0,06\text{m}^2/\text{người} \times \text{số người}$)</i>	33	55
	<i>Khu NVS hs nữ (594 người)</i>		
	<i>Số chậu tiểu/chậu xí</i>	30	26
	<i>Diện tích: m^2 ($0,06\text{m}^2/\text{người} \times \text{số người}$)</i>	36	53
g	Cổng, hàng rào: 2 cổng trường kiên cố, có biển tên trường và có hàng rào bằng tường xây bao quanh.	có	có
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao		
	Tổng diện tích sân trường (cho 1.140hs): m^2	1.710	758
	Diện tích bình quân tối thiểu/học sinh: m^2/hs	1,5	0.7
	Sân thể thao thể thao; m^2/hs	0,35	0,33
6	Khối phục vụ sinh hoạt		
	Nhà ăn cho hs bán trú: $\text{m}^2/\text{chỗ}$	0,75	1,4
	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		1.193 m^2 (17 phòng)
7	Hạ tầng kỹ thuật (số lượng)		
	Hệ thống cấp nước sạch	có	có
	Hệ thống cấp điện	có	có
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	có	có

STT	Nội dung	Quy định/ Số lượng	Thực tế
	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: đt, internet	có	có
	Khu thu gom rác thải	có	có

2. Thiết bị dạy học hiện có:

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Khối lớp	SL quy định	SL thực tế	Chênh lệch so với quy định	
						Thừa	Thiếu
Môn Tin học							
1		Phần mềm tin học văn phòng	10, 11, 12	1	1		
2	Chuyên đề: Thực hành sử dụng phần mềm vẽ trang	Phần mềm vẽ trang trí	11	1	0		1
3		Phần mềm diệt virus	10, 11, 12	1	1		
4		Các loại phần mềm ứng dụng	10, 11, 12	1	1		
5	Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Phần mềm tìm kiếm thông tin	10, 11, 12	1	1		
6	Ứng dụng tin học	Phần mềm thiết kế đồ họa	10, 11	1	1		
7	Ứng dụng tin học	Phần mềm chỉnh sửa ảnh	11	1	1		
8	Ứng dụng tin học	Phần mềm làm phim hoạt hình, video	11	1	1		
9	Ứng dụng tin học	Phần mềm thiết kế web	12	1	1		
10	Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Phần mềm lập trình	10, 11	1	1		
11	Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Phần mềm hệ quản trị cơ sở dữ liệu	11	1	1		

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Khối lớp	SL quy định	SL thực tế	Chênh lệch so với quy định	
						Thừa	Thiếu
12	Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Phần mềm mô phỏng	12	1	0		1
13		Phần mềm duyệt web	10, 11, 12	1	1		
14	Chuyên đề: Thực hành sử dụng phần mềm quản lí	Phần mềm quản lí dự án	12	1	0		1

3. Danh mục sách giáo khoa trong nhà trường năm học 2023-2024 (Đính kèm danh mục SGK của 03 khối)

- Sách giáo khoa khối 10:

STT	Môn học	Tổ hợp XH1 (10A1, 10A2, 10A3)	Tổ hợp XH2 (10A4, 10A5, 10A6)	Tổ hợp TN1 (10A7)	Tổ hợp TN2 (10A8)	Tổ hợp TN3 (10A9)
1	Toán	- Toán 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)
2	Ngữ văn	- Ngữ văn 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học	- Ngữ văn 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Ngữ	- Ngữ văn 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Ngữ	- Ngữ văn 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Ngữ	- Ngữ văn 10, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Ngữ

ST T	Môn học	Tổ hợp XH1 (10A1, 10A2, 10A3)	Tổ hợp XH2 (10A4, 10A5, 10A6)	Tổ hợp TN1 (10A7)	Tổ hợp TN2 (10A8)	Tổ hợp TN3 (10A9)
		tập Ngữ văn 10 (Chân trời sáng tạo)	văn 10 (Chân trời sáng tạo)	văn 10 (Chân trời sáng tạo)	văn 10 (Chân trời sáng tạo)	văn 10 (Chân trời sáng tạo)
3	Anh văn	Tiếng Anh 10 Bright	Tiếng Anh 10 Bright	Tiếng Anh 10 Bright	Tiếng Anh 10 Bright	Tiếng Anh 10 Bright
4	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất: Đá cầu 10 (Cánh diều)				
5	GDQP&A N	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10 (Cánh diều)				
6	HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Chân trời sáng tạo bản 1)				
7	Lịch sử	- Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)
8	Địa lí	- Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)	- Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)	- Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)	- Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)	- Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)
9	GD Kinh tế & Pháp luật	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Chân			- Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Chân

ST T	Môn học	Tổ hợp XH1 (10A1, 10A2, 10A3)	Tổ hợp XH2 (10A4, 10A5, 10A6)	Tổ hợp TN1 (10A7)	Tổ hợp TN2 (10A8)	Tổ hợp TN3 (10A9)
		(Chân trời sáng tạo)	trời sáng			trời sáng
10	Vật lí		- Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)	- Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)	- Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)	- Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)
11	Hóa học	- Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)		- Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)	- Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)	- Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)
12	Sinh học			- Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	- Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	- Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)
13	Tin học		- Tin học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)			
14	Công nghệ	- Công				

ST T	Môn học	Tổ hợp XH1 (10A1, 10A2, 10A3)	Tổ hợp XH2 (10A4, 10A5, 10A6)	Tổ hợp TN1 (10A7)	Tổ hợp TN2 (10A8)	Tổ hợp TN3 (10A9)
		nghệ 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)				

- Sách giáo khoa khối 11:

ST T	Môn học	Tổ hợp XH1 (11A1, 11A2, 11A3)	Tổ hợp XH2 (11A4, 11A5, 11A6)	Tổ hợp TN1 (11A7)	Tổ hợp TN2 (11A8)	Tổ hợp TN3 (11A9)
1	Toán	- Toán 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)	- Toán 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)
2	Ngữ văn	- Ngữ văn 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Chân	- Ngữ văn 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Chân	- Ngữ văn 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo)	- Ngữ văn 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo)	- Ngữ văn 11, Tập một, Tập hai (Chân trời sáng tạo)

ST T	Môn học	Tổ hợp XH1 (11A1, 11A2, 11A3)	Tổ hợp XH2 (11A4, 11A5, 11A6)	Tổ hợp TN1 (11A7)	Tổ hợp TN2 (11A8)	Tổ hợp TN3 (11A9)
		trời sáng tạo)	trời sáng tạo)			
3	Anh văn	Tiếng Anh 11 Bright	Tiếng Anh 11 Bright	Tiếng Anh 11 Bright	Tiếng Anh 11 Bright	Tiếng Anh 11 Bright
4	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất: Đá cầu 11 (Cánh điều)				
5	GDQP&AN	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 11 (Cánh điều)				
6	HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Chân trời sáng tạo bản 1)				
7	Lịch sử	- Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	- Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)
8	Địa lí	- Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo)	- Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo)		- Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo)	
9	GD Kinh tế & Pháp luật	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Chân trời sáng tạo)	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Chân trời sáng tạo)			- Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Chân trời sáng tạo)

ST T	Môn học	Tổ hợp XH1 (11A1, 11A2, 11A3)	Tổ hợp XH2 (11A4, 11A5, 11A6)	Tổ hợp TN1 (11A7)	Tổ hợp TN2 (11A8)	Tổ hợp TN3 (11A9)
10	Vật lí		- Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo)	- Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo)	- Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo)	- Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo)
11	Hóa học	- Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo)		- Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo)	- Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo)	- Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Chân trời sáng tạo)
12	Sinh học			- Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)	- Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)	- Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo) - Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)
13	Tin học	- Tin học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	- Tin học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	- Tin học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)		

- Sách giáo khoa khối 12: Sách giáo khoa Bộ Giáo dục năm 2006



III. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Nhà trường đã đạt Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 1494-99/QĐ-SGDĐT ngày 13/6/2022. 

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2024

GIÁM ĐỐC




Vũ Quốc Phong